

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đề ngày 22/4/2025 của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông 1; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 09/5/2025 giữa các thành viên đoàn đánh giá và Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; văn bản số 01/TECCO1-TTSLCB ngày 12/5/2025 của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông 1 về việc khắc phục các nội dung tồn tại (gửi Sở xây dựng ngày 16/5/2025).

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông 1.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011994 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 4 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 03 tháng 3 năm 2023 (do Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp).

Địa chỉ: Số 2, ngách 34/4, ngõ 34 đường Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243.7731910

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật và vật liệu xây dựng.**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Nhà C1b, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 24.097

3. Giấy chứng nhận này bổ sung danh mục chỉ tiêu thí nghiệm và có hiệu lực theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 80/GCN-SXD(GĐCL) ngày 23/8/2024 của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng
công trình giao thông 1;
- Bộ Xây dựng; (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ Sở;
- Lưu: VT, GĐCL (H.N.Duy-03b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Công

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM BỔ SUNG
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.097**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: /GCN-SXD ngày tháng 5 năm 2025)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT	
1	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023
3	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023
4	Thành phần hạt	TB 10102-2023
5	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023
6	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023
7	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023
8	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023
9	Các đặc trưng trương nở của đất, đá	TB 10102-2023 TB 10115-2023
10	Các đặc trưng co ngót của đất	TB 10102-2023
11	Đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023
12	Đặc trưng lún ướt	TB 10102-2023
13	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023
14	Sức kháng cắt không cố kết - không thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	TB 10102-2023
15	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TB 10102-2023
16	Sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng thí nghiệm cắt cánh ở trong phòng	TB 10102-2023
17	Chỉ số CBR của đất, đá dăm	TB 10102-2023
18	Đàn nén đất, đá dăm	TB 10102-2023
19	Mô đun đàn hồi đất, đất gia cố, cấp phối đá dăm	TB 10102-2023
20	Góc nghỉ của đất rời	TB 10102-2023
21	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TB 10102-2023
II	VẬT LIỆU: CÁT, ĐÁ DĂM, SỎI, CẤP PHỐI	
22	Thành phần hạt	TB 10102-2023
23	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TB 10115-2023
24	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023
25	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TB 10102-2023
26	Độ ẩm	TB 10102-2023 TB 10115-2023
27	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023 TB 10115-2023
28	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023
29	Cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc	TB 10115-2023
30	Độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023
31	Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TB 10102-2023 TB 10115-2023
32	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023
33	Khả năng phản ứng kiềm - silic	TB 10102-2023
34	Hàm lượng clorua	TB 10102-2023
35	Hàm lượng sulfat và sulfit	TB 10102-2023

36	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TB 10102-2023
37	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TB 10102-2023 TB 10115-2023
38	Hàm lượng silic oxit vô định hình	TB 10102-2023
39	Hàm lượng mica	TB 10102-2023 TB 10115-2023
40	Độ bền của cốt liệu trong dung dịch Na_2SO_4 hoặc MgSO_4 .	TB 10102-2023
41	Cường độ nén điểm của đá gốc	TB 10115-2023
42	Xác định độ góc cạnh của cát	TB 10102-2023
43	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TB 10102-2023 TB 10115-2023
44	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TB 10102-2023 TB 10115-2023
45	Xác định độ bền cắt các loại đá trong phòng thí nghiệm	TB 10102-2023 TB 10115-2023
46	Xác định độ góc cạnh đối với cốt liệu lớn	TB 10102-2023
III	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC	
47	Xác định độ pH, nhiệt độ	TB 10104-2003
48	Xác định hàm lượng Cl^- , SO_4^{2-} , HCO_3^- , CO_3^{2-} , Ca^{2+} , Mg^{2+}	TB 10104-2003
49	Xác định hàm lượng CO_2 tự do, CO_2 ăn mòn, O_2 tiêu hao, O_2 hoà tan	TB 10104-2003
50	Xác định tổng độ cứng, độ cứng tạm thời, tổng lượng muối	TB 10104-2003
51	Xác định độ axit	TB 10104-2003
IV	PHÂN TÍCH HÓA ĐẤT	
52	Xác định độ pH	TB 10103-2008
53	Hàm lượng SO_4^{2-} hoà tan	TB 10103-2008
54	Hàm lượng Cl^- hoà tan	TB 10103-2008
55	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TB 10103-2008
56	Tổng lượng muối dễ hòa tan trong đất	TB 10103-2008

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu thí nghiệm dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng. Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.